

SỞ GD&ĐT HÀ TĨNH
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi gồm 04 trang)

KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề
Mã đề 0707

Họ và tên:

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cây công nghiệp lâu năm có nguồn gốc cận nhiệt ở nước ta là

- A. cây đậu tương. B. cây chè. C. cây bông. D. cây cao su.

Câu 2. Ngành giao thông vận tải đường sắt nước ta

- A. có mạng lưới phủ kín các vùng. C. chưa phát triển ở các đô thị lớn.
B. có tốc độ phát triển rất nhanh. D. đang được đầu tư, hiện đại hoá.

Câu 3. Đặc khu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Côn Cò. B. Côn Đảo. C. Lý Sơn. D. Phú Quốc.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu gây ra lũ lụt ở nước ta là

- A. hiện tượng nước biển dâng cao. C. mưa lớn tập trung ở một khu vực.
B. hoạt động của gió mùa Đông Bắc. D. phá rừng ở các vùng đầu nguồn.

Câu 5. Chế độ nước sông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu tác động chủ yếu của nhân tố nào sau đây?

- A. Chế độ mưa. B. Địa hình. C. Con người. D. Lớp phủ rừng.

Câu 6. Quốc gia nào sau đây không giáp với Biển Đông?

- A. Phi-lip-pin. B. Ma-lai-xi-a. C. Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma.

Câu 7. Để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long, giải pháp nào sau đây là chủ yếu?

- A. Phát triển thủy lợi, đẩy mạnh trồng rừng, sử dụng năng lượng tái tạo.
B. Ứng dụng nông nghiệp xanh, du lịch sinh thái, bảo vệ rừng ven biển.
C. Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, xây hồ chứa nước, đa dạng hoá sinh kế.
D. Tăng cường sự hợp tác quốc tế, sử dụng hợp lý tài nguyên đất và nước.

Câu 8. Điểm du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?

- A. Phố cổ Hội An. C. Phong Nha - Kẻ Bàng.
B. Thành nhà Hồ. D. Cổ đô Huế.

Câu 9. Giải pháp chủ yếu để chăn nuôi gia cầm ở vùng Bắc Trung Bộ phát triển theo hướng hàng hoá là

- A. phòng chống dịch bệnh, hiện đại hoá chuồng trại, cải tạo các đồng cỏ.
B. đẩy mạnh chăn nuôi trang trại gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.
C. đảm bảo cơ sở thức ăn, phòng chống dịch bệnh, phát triển giống mới.
D. tăng nhanh số lượng gia cầm, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 10. Thành tựu về kinh tế của ASEAN là

- A. thúc đẩy hội nhập vào kinh tế thế giới. C. tạo dựng môi trường hoà bình, ổn định.
B. tăng HDI, nâng cao đời sống người dân. D. phát triển đồng đều giữa các quốc gia.

Câu 11. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển du lịch ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường giao lưu, quảng bá văn hoá.
- B. tạo ra nhiều việc làm cho lao động, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- C. mang về nguồn thu lớn cho ngân sách, khai thác thế mạnh tài nguyên.
- D. phát huy các thế mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm làng nghề ở nước ta?

- A. Có quy mô sản xuất rất lớn.
- B. Gắn bó chặt chẽ với công nghiệp.
- C. Cơ cấu ngành nghề đa dạng.
- D. Cơ cấu sản phẩm chưa phong phú.

Câu 13. Tình thất thường của thời tiết miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ gây ra các khó khăn chủ yếu về

- A. cơ cấu mùa vụ, hoạt động giao thông, tiêu thụ các sản phẩm.
- B. hoạt động canh tác, kế hoạch mùa vụ, phòng chống thiên tai.
- C. các loại dịch bệnh, bảo dưỡng máy móc, bảo quản nông sản.
- D. thiên tai, dịch bệnh, khả năng mở rộng diện tích, thâm canh.

Câu 14. Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phú Thọ.
- B. Thái Nguyên.
- C. Bắc Ninh.
- D. Tuyên Quang.

Câu 15. Đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh nổi bật về

- A. trồng cây cận nhiệt.
- B. khai thác khoáng sản.
- C. phát triển thủy điện.
- D. nuôi trồng thủy sản.

Câu 16. Tài nguyên sinh vật của nước ta bị suy giảm chủ yếu do

- A. khai thác quá mức, thiếu sự kiểm soát chặt chẽ.
- B. ô nhiễm môi trường ở vùng cửa sông, ven biển.
- C. biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho nhiệt độ tăng.
- D. gia tăng dân số nhanh, hậu quả của chiến tranh.

Câu 17. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta có sự thay đổi chủ yếu do

- A. gia tăng quy mô lực lượng lao động.
- B. sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.
- C. đẩy mạnh việc xuất khẩu lao động.
- D. đô thị hoá, mở rộng diện tích đô thị.

Câu 18. Giải pháp chủ yếu thúc đẩy sự phát triển công nghiệp khai thác dầu thô ở nước ta là

- A. tăng cường chế biến, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. khai thác hợp lý, bảo vệ môi trường, nâng cao trình độ lao động.
- C. bảo vệ chủ quyền biển đảo, hợp tác với các nước trong khu vực.
- D. tăng cường liên doanh, đẩy mạnh thăm dò, đổi mới công nghệ.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng giàu tài nguyên khoáng sản, đa dạng về chủng loại nhưng phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn là a-pa-tit, thiếc, chì - kẽm, sắt, than,... Với tiềm năng về tài nguyên khoáng sản phong phú, vùng có nhiều điều kiện thuận lợi cho ngành khai thác và chế biến khoáng sản phát triển. Hoạt động khai thác khoáng sản cần chú ý đến ô nhiễm môi trường, không khí, nguồn nước và suy giảm diện tích rừng.

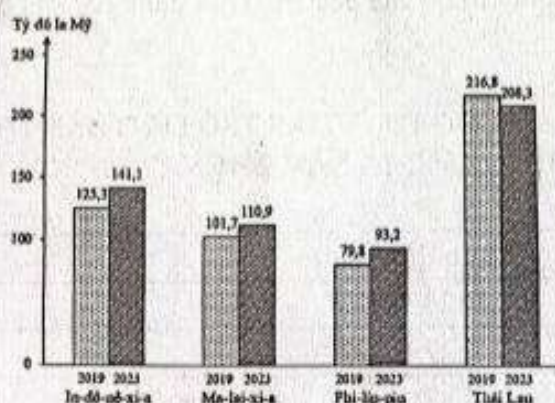
- a) Hoạt động khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi phía Bắc tác động xấu đến môi trường.
- b) Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả khai thác ở Trung du và miền núi phía Bắc là ứng dụng công nghệ hiện đại, tăng cường chế biến.
- c) Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi phía Bắc là cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu, giải quyết việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế.
- d) Đây là vùng có trữ lượng than đá lớn nhất cả nước.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Tài nguyên du lịch biển, đảo của nước ta rất phong phú với nhiều cảnh quan đẹp: bãi biển, vịnh biển, đảo, đầm phá,... thuận lợi cho phát triển đa dạng các loại hình du lịch biển, đảo. Du lịch biển, đảo đang là thế mạnh cho các tỉnh ven biển, làm thay đổi cơ cấu kinh tế cho các vùng. Số lượng khách và doanh thu từ du lịch biển, đảo tăng nhanh. Nhiều sản phẩm du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển, thể thao biển,... được chú trọng đẩy mạnh. Nhiều khu vực du lịch biển đảo tiếp tục được đầu tư phát triển. Tuy nhiên cần quan tâm đến vấn đề khai thác hợp lý tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường biển, đảo.

- Ý nghĩa chủ yếu của du lịch biển, đảo là giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- Du lịch biển, đảo phát triển quanh năm ở miền Bắc nước ta.
- Du lịch biển đảo chiếm tỉ trọng cao trong tổng số lượng khách và doanh thu du lịch của nước ta.
- Hoạt động du lịch biển, đảo ở nước ta phát triển nhanh.

Câu 3. Cho biểu đồ sau:



Tổng dự trữ quốc tế của một số nước năm 2019 và năm 2023
(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2024, NXB Thống kê, 2025)

- Thái Lan có tổng dự trữ quốc tế lớn nhất do quy mô nền kinh tế lớn nhất.
- Tổng dự trữ quốc tế của Phi-lip-pin tăng nhanh hơn In-đô-nê-xi-a.
- Tổng dự trữ quốc tế của Ma-lai-xi-a tăng ít hơn Phi-lip-pin.
- Từ năm 2019 đến năm 2023, tổng dự trữ quốc tế của các nước đều tăng.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thủy sản. Giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng liên tục. Nuôi trồng thủy sản chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu sản lượng và giá trị sản xuất của ngành thủy sản. Sản lượng khai thác thủy sản tăng, hoạt động đánh bắt xa bờ được đẩy mạnh. Diện tích nuôi trồng tăng, đối tượng nuôi trồng ngày càng đa dạng, đã áp dụng nhiều mô hình nuôi trồng tiên tiến. Sản lượng và chất lượng nuôi trồng tăng nhanh.

- Hoạt động đánh bắt xa bờ được thuận lợi hơn nhờ tăng số lượng và chất lượng nguồn lao động.
- Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh đánh bắt xa bờ là bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, khai thác được nhiều loài thủy sản quý hiếm, bảo vệ nguồn lợi ven bờ.
- Ở nước ta, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác.
- Giải pháp chủ yếu để nâng cao năng suất nuôi trồng là mở rộng diện tích, phát triển công nghiệp chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA NĂM 2015 VÀ NĂM 2023

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	Lao động nam	Lao động nữ
2015	28 133,3	26 132,7
2023	27 868,9	24 507,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2024, NXB Thống kê, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết từ năm 2015 đến năm 2023, tỉ lệ lao động nữ trong tổng lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của nước ta giảm bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Năm 2023, ngành đường sắt có khối lượng hàng hoá vận chuyển là 4 646,5 nghìn tấn và khối lượng hàng hoá luân chuyển là 3 703,4 triệu tấn.km; ngành đường biển có khối lượng hàng hoá vận chuyển là 109 932,6 nghìn tấn và khối lượng hàng hoá luân chuyển là 112 331,0 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của ngành vận tải đường biển gấp mấy lần đường sắt (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 3. Năm 2023, dân số thế giới là 8 009,0 triệu người, tỉ lệ dân thành thị của thế giới là 57,3%. Hãy cho biết dân số thành thị của thế giới năm 2023 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ CÁC THÁNG NĂM 2024 TẠI TRẠM QUAN TRẮC NHA TRANG

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,3	26,0	27,2	29,3	30,2	29,8	29,0	29,6	28,8	27,9	26,9	25,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2024, NXB Thống kê, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính biên độ nhiệt độ năm 2024 tại trạm quan trắc Nha Trang (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2020, doanh thu các cơ sở lữ hành của nước ta là 16 492,0 tỷ đồng, năm 2024 là 78 990,5 tỷ đồng. Hãy cho biết từ năm 2020 đến năm 2024, doanh thu các cơ sở lữ hành của nước ta tăng thêm bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Năm 2023, năng suất gieo trồng lúa cả năm của Hà Tĩnh là 55,5 tạ/ha, sản lượng lúa cả năm là 578,6 nghìn tấn. Hãy cho biết diện tích gieo trồng lúa của Hà Tĩnh năm 2023 là bao nhiêu nghìn ha (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không giải thích gì thêm.

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	D	B	C	A	D	A	C	B	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18		
Chọn	D	C	B	C	D	A	B	D		

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
- Thí sinh chọn chính xác cả 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm.

Câu	1	2	3	4
Đáp án	a) Đ b) Đ c) S d) S	a) S b) S c) Đ d) Đ	a) S b) Đ c) Đ d) S	a) S b) S c) Đ d) S

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	1,4	1,28	4589	4,9	379	104

-----HẾT-----